TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:03/2021/QĐST - HNGĐ	*Bỉm S, ngày 29 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13/12/2021;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số:03/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, giữa những người yêu cầu sau đây:

1/ Anh Bùi Đại X - sinh năm 1987

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố S, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

2/ Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1994

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố S, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã B, tỉnh T theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án:

- Về hôn nhân: Anh Bùi Đại X và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh H cấp đăng ký kết hôn ngày 11/9/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì vợ chồng chung sống với nhau không hợp tính, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên vợ chồng đã ly thân 2 tháng nay không ai quan tâm đến ai. Nay cả hai đều xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên hai bên làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Bùi Đình D(nam) sinh ngày 03/10/2019. Hai bên thỏa thuận giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên(đủ 18 tuổi).

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Anh Bùi Đại X và chị Nguyễn Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Bùi Đình D(nam) sinh ngày 03/10/2019. Hai bên thỏa thuận giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên(đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

6. ***Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.***

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T*
- *VKSND thị xã B*
- *UBND phường Đ(ĐK ngày 11/9/2018);*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ việc*

THẨM PHÁN

TỐNG THỊ HÀ